

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Số/No.: 20220815/FUEKIV30-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022
Ho Chi Minh City, August 15, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
 - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIV30*
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
 - Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2022, từ 07/12/2021 đến 30/06/2022.**
Content of information disclosure: Report on Interim Audited Financial Statement – First half of 2022, from 07/12/2021 to 30/06/2022.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 15/08/2022 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on August 15, 2022, available at: https://koreainvestment.com.vn/en/home/

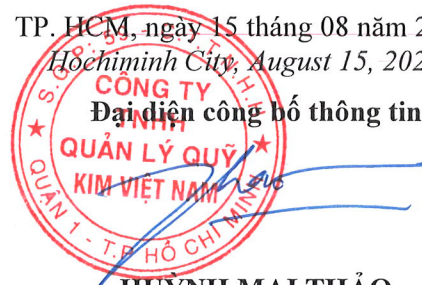
Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2022/
Report on Interim Audited Financial Statement
– *First half of 2022*

TP. HCM, ngày 15 tháng 08 năm 2022
Ho Chi Minh City, August 15, 2022



HUYNH MAI THẢO

Trưởng phòng Vận hành/Head of Operation

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính	12 - 13
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20
Thuyết minh báo cáo tài chính	21 - 46



Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM GrowthVN30 (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 71.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 150.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 15.000.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Thành viên độc lập	Ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Ngày 16 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”).

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/ chứng chỉ quỹ (CCQ) là -18,26% so với NAV/CCQ tại ngày thành lập quỹ;

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là -18,22%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là -17,43% trong cùng kỳ so sánh.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 122.288.672.406 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 150.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 15.000.000.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 1,248.92.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
	%
Danh mục chứng khoán	99,43
Các tài sản khác	0,57
Cộng	100

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	122.288.672.406
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	15.000.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	8.152,57
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.214,87
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	7.911,51
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	8.120
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.160
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	7.920
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	-18,26%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,56%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	13,36%

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**)	-18,26%	Không áp dụng
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	-17,43%	Không áp dụng

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1+R1)(1+R2)(1+R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1+R1)(1+R2) \dots (1+Rn)} - 1$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng 6,42% trong 6 tháng đầu năm 2022. Động lực chính cho GDP đến từ lĩnh vực sản xuất và dịch vụ với mức tăng trưởng lần lượt là 7,70% và 6,60%; Mặt khác, nông nghiệp tăng với mức khiêm tốn 2,78% so với năm ngoái.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2022, bán lẻ hồi phục với mức tăng 7,9% so với năm ngoái, khi nền kinh tế mở cửa trở lại và các hoạt động thương mại hồi phục sau giai đoạn dịch Covid-19. Hoạt động thương mại diễn biến tích cực khi nhập khẩu đạt 185.23 tỷ USD, tương đương mức tăng 15,5% và xuất khẩu đạt 185,94 tỷ USD, tương đương mức tăng 17,3%.

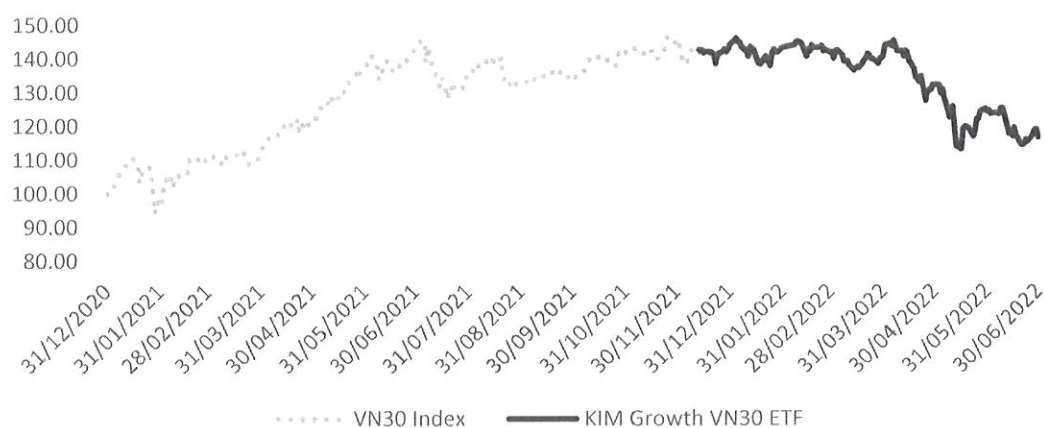
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập %
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	-18,26
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	-18,22
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	-20,00

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 7 tháng 1 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 (Ngày lập quỹ) VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	122.288.672.406	70.817.221.406	72,68%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCO	8.152,57	9.974,25	-18,26%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	465	333.500	2,22%
Từ 5.000 đến 10.000	14	84.400	0,56%
Từ 10.000 đến 50.000	15	264.400	1,76%
Từ 50.000 đến 500.000	4	370.900	2,47%
Trên 500.000	7	13.946.800	92,98%
Tổng cộng	505	15.000.000	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi đánh giá nền kinh tế Việt Nam năm 2022 nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng sẽ có nhiều điểm tích cực, cụ thể:

Chính phủ Việt Nam đang tích cực làm việc để đưa gói kích cầu có giá trị khoảng 10% GDP để giúp đỡ nền kinh tế. Năm 2022, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng GDP ở mức 6,5%.

Tỷ lệ tiêm vaccine tại Việt Nam đã đạt mức 70% dân số vào Quý 2 - 2022. Chính phủ Việt Nam đã mở cửa các đường bay quốc tế, từ đó chúng tôi kỳ vọng Ngành du lịch và dịch vụ của Việt Nam trong năm 2022 sẽ có sự tăng trưởng vượt bậc.

Hệ thống giao dịch mới của HOSE cũng là một điểm tích cực cho thị trường chứng khoán năm 2022. Dự kiến HOSE sẽ đưa vào hệ thống giao dịch T0, từ đó có thể kích thích sự phát triển của thị trường chứng khoán tại Việt Nam.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới năm 2021 là hơn 1 triệu tài khoản, 2 quý đầu năm 2022 là 1,8 triệu tài khoản. Với việc tăng vốn của các công ty chứng khoán và tốc độ mở mới tài khoản đang tăng nhanh, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường chứng khoán trong năm 2022.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Yun Hang Jin - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Yun Hang Jin là chuyên gia cao cấp có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các thị trường mới nổi (emerging market), đặc biệt là Trung Quốc và Việt Nam. Ông Yun Hang Jin đã làm việc tại các tổ chức tài chính hàng đầu Hàn Quốc như Công ty Chứng khoán LG, Công ty Chứng khoán Korea Investment ... Tại Việt Nam, ông Yun Hang Jin trước đó đảm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. Tại TP. Hồ Chí Minh; hiện ông Yun Hang Jin là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Tuấn Khánh có chứng chỉ Đầu tư tài chính CFA và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp. Ông Huỳnh Tuấn Khánh có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính như Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Ngân Hàng Á Châu.

Ông Bae Seung Kwon - Giám đốc Khối đầu tư

Ông Bae Seung Kwon có các Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Hàn Quốc và Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Bae Seung Kwon đảm nhiệm các hoạt động nghiên cứu thị trường và đầu tư của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. (Hàn Quốc) tại thị trường Việt Nam từ năm 2015. Trước đó, ông từng có nhiều năm làm việc tại PwC, Bristish American Tobaccac và AT Keaney.

Bà Vũ Ngọc Linh – Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu

Bà Vũ Ngọc Linh là chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực tài chính-chứng khoán. Trước khi gia nhập KIM Việt Nam, bà Vũ Ngọc Linh đã có 10 năm làm việc tại bộ phận Phân tích Chứng khoán và Ngân hàng đầu tư của J.P.Morgan và 4 năm làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Manulife tại bộ phận Trái phiếu và Thị trường vốn.

Ông Trương Vĩnh An - Giám đốc Đầu tư

Ông Trương Vĩnh An có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA) và Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Trương Vĩnh An có nhiều năm làm việc tại các công ty chứng khoán và quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam trước khi gia nhập KIM Việt Nam. Hiện ông Trương Vĩnh An phụ trách quản lý danh mục cho Quỹ TVAM Vietnam Equity Fund (Nhật Bản) của KIM Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Mạnh – Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Duy Mạnh có 15 năm kinh nghiệm tại Việt Nam và quốc tế khi làm việc cho Franklin Templeton và Indochina Capital Group. Hiện ông Nguyễn Duy Mạnh đang quản lý danh mục cho Quỹ KIM Vietnam Growth Fund (UCITS). Ông Nguyễn Duy Mạnh có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Ông Nguyễn Xuân Huy - Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Xuân Huy là chuyên gia phân tích và đầu tư với nhiều năm làm việc tại các quỹ đầu tư hàng đầu Việt Nam như PXP Vietnam Asset Management, Vincapital.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ông Vũ Giang Sơn - Phó Giám đốc Đầu tư

Ông Vũ Giang Sơn gia nhập KIM VIỆT NAM từ năm 2021, đảm nhiệm thiết kế và xây dựng các sản phẩm đầu tư thụ động của Công ty. Trước đó, ông Vũ Giang Sơn đã từng làm việc tại Ngân hàng Techcombank và Công ty Chứng khoán BIDV. Ông Vũ Giang Sơn có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 07 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Phạm Thùy Dương

Số tham chiếu: 12952890/66844105-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 14 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là kỳ kế toán đầu tiên của Quý, do đó không có số liệu so sánh đối với các chỉ tiêu Báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

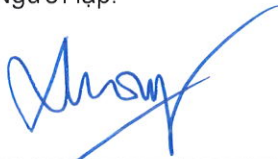
Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO THU NHẬP

cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

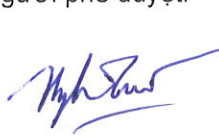
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(18.440.564.479)
02	1.1 Cổ tức được chia	12	593.064.350
03	1.2 Tiền lãi được nhận	12	5.232.721
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	13	(20.757.637)
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(19.018.103.913)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		20.597.940
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	14	20.597.940
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		763.354.540
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		282.611.726
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	15	143.081.171
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		37.435.479
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		112.306.451
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		31.935.484
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	16	48.569.054
20.8	3.7 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở	17	15.170.196
20.11	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	92.244.979
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(19.224.516.959)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(19.224.516.959)
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(206.413.046)
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(19.018.103.913)
41	VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(19.224.516.959)

Người lập:



Bà Phan Xuân Hương
Kế toán viên

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Tiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun-Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	433.447.373
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		433.447.373
120	2. Các khoản đầu tư thuần		121.874.298.450
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	121.874.298.450
130	3. Các khoản phải thu		169.573.275
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		154.450.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		154.450.000
137	3.2 Các khoản phải thu khác	6	15.123.275
100	TỔNG TÀI SẢN		122.477.319.098
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	3.403.225
316	2. Chi phí phải trả	8	33.129.029
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	9	152.114.438
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		188.646.692
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		122.288.672.406
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		150.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	150.000.000.000
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	(8.486.810.635)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	11	(19.224.516.959)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	10	8.152,57

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	10	15.000.000

Người lập:

Bà Phan Xuân Hương
Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Tiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(19.224.516.959)
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	(19.224.516.959)
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	141.513.189.365
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	141.513.189.365
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	122.288.672.406

Người lập:



Bà Phan Xuân Hương
Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Tiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT			121.774.738.450	99,43%
1	BID	293.900	24.000	7.053.600.000	5,76%
2	BMP	18.829	33.500	630.771.500	0,52%
3	CII	9.600	52.500	504.000.000	0,41%
4	CTD	71.000	26.150	1.856.650.000	1,52%
5	CTG	95.500	86.200	8.232.100.000	6,72%
6	DHC	9.800	115.500	1.131.900.000	0,92%
7	DIG	15.000	22.550	338.250.000	0,28%
8	DPM	145.100	24.000	3.482.400.000	2,84%
9	DXG	329.150	22.300	7.340.045.000	5,99%
10	EIB	43.000	38.900	1.672.700.000	1,37%
11	FLC	212.700	24.200	5.147.340.000	4,20%
12	FPT	58.300	112.000	6.529.600.000	5,33%
13	GAS	104.800	71.500	7.493.200.000	6,12%
14	GEX	70.484	74.500	5.251.058.000	4,29%
15	GMD	28.581	51.800	1.480.495.800	1,21%
16	HAG	13.600	40.300	548.080.000	0,45%
17	HCM	21.100	128.500	2.711.350.000	2,21%
18	HDB	60.100	13.600	817.360.000	0,67%
19	HDG	7.200	154.600	1.113.120.000	0,91%
20	HPG	72.400	18.800	1.361.120.000	1,11%
21	HPX	183.000	21.500	3.934.500.000	3,21%
22	HSG	232.100	35.550	8.251.155.000	6,74%
23	ITA	89.225	27.150	2.422.458.750	1,98%
24	KBC	53.278	74.800	3.985.194.400	3,25%
25	KDC	122.900	62.100	7.632.090.000	6,23%
26	KDH	125.300	73.500	9.209.550.000	7,52%
27	MBB	28.000	130.000	3.640.000.000	2,97%
28	MSN	87.000	72.200	6.281.400.000	5,13%
29	MWG	318.600	29.000	9.239.400.000	7,54%
30	NLG	87.000	28.550	2.483.850.000	2,03%
II	QUYỀN MUA CỔ PHIẾU			99.560.000	0,08%
1	MIRSSI221	52.400	1.900	99.560.000	0,08%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC			169.573.275	0,14%
1	Dự thu cổ tức			154.450.000	0,13%
2	Chi phí trả trước			15.123.275	0,01%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
IV 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng			433.447.373 433.447.373	0,35% 0,35%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			122.477.319.098	100,00%

Người lập:

Bà Phan Xuân Hương
Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Tiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		(19.224.516.959)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		18.503.558.913
03	Lỗi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	19.018.103.913
	Lãi trong giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	13	(514.545.000)
05	3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(720.958.046)
06	Tăng các khoản đầu tư		(40.892.527.363)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(154.450.000)
08	Tăng các khoản phải thu khác		(15.123.275)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.403.225
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		33.129.029
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		152.114.438
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(41.594.411.992)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		42.027.859.365
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		42.027.859.365
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		433.447.373
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	433.447.373
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		433.447.373
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		433.447.373
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		433.447.373

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Người lập:


 Bà Phan Xuân Hương
 Kế toán

Người phê duyệt:


 Ông Nguyễn Hữu Tiến
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




 Ông Yun Hang Jin
 Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 71.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 150.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 15.000.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 7.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 71.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 150.000.000.000 đồng, tương đương với 15.000.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các kỳ kế toán năm sau của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (“VND”).

3.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục “*Các khoản đầu tư*” trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục “*Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện*” trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Công ty Chứng khoán và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ phí lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,06% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Lưu ký.

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 30 tháng 6
năm 2022
VND

Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký
cho hoạt động của quỹ ETF

433.447.373

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá hoán đổi (*) VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2022					
Cổ phiếu niêm yết	140.892.402.363	121.774.738.450	-	(19.117.663.913)	121.774.738.450
Quyền mua cổ phiếu	-	99.560.000	99.560.000	-	99.560.000
	140.892.402.363	121.874.298.450	99.560.000	(19.117.663.913)	121.874.298.450

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập **(19.018.103.913)**

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối kỳ kế toán và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	<hr/>
Trả trước giá dịch vụ quản lý niêm yết trả HOSE	15.123.275

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	<hr/>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	3.403.225

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	<hr/>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	30.629.029
Phí quản lý thường niên cho Ủy ban Chứng khoán	2.500.000
	<hr/>
	33.129.029

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	<hr/>
Phí quản lý Quỹ ETF	45.045.384
Phí cung cấp dịch vụ tính iNAV cho HOSE	24.284.527
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số cho HOSE	24.284.527
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000
	<hr/>
	152.114.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

10. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 (Phát hành lần đầu) VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	7.100.000	7.900.000	15.000.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	71.000.000.000	79.000.000.000	150.000.000.000
Thặng dư vốn	-	(8.486.810.635)	(8.486.810.635)
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	71.000.000.000	70.513.189.365	141.513.189.365
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.100.000	7.900.000	15.000.000
Giá trị vốn góp hiện hành	71.000.000.000	70.513.189.365	141.513.189.365
Lợi nhuận chưa phân phối	-	(19.224.516.959)	(19.224.516.959)
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	71.000.000.000		122.288.672.406
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.000		8.152,57

11. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 7 tháng 12 năm 2021 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	-	(206.413.046)	(206.413.046)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(19.018.103.913)	(19.018.103.913)
	-	(19.224.516.959)	(19.224.516.959)

12. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Cổ tức được chia	593.064.350
Cổ tức đã nhận	438.614.350
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	154.450.000
Tiền lãi được nhận	5.232.721
	598.297.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

13. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán từ ngày
 7 tháng 12 năm 2021
 (ngày thành lập) đến
 ngày 30 tháng 6 năm
 2022
 VND

Lỗ từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán	(535.302.637)
Lãi từ việc Quỹ mua hộ các nhà đầu tư chứng khoán hạn chế	514.545.000
	(20.757.637)

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lỗ bán chứng khoán cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
-------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Cổ phiếu niêm yết

Lỗ trong giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ	6.641.950.000	7.177.252.637	(535.302.637)
--------------------------------------------------	----------------------	----------------------	----------------------

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán từ
 ngày 7 tháng 12
 năm 2021 (ngày thành
 lập) đến ngày 30 tháng 6
 năm 2022
 VND

Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	10.635.015
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	9.962.925
	20.597.940

15. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

Cho kỳ kế toán từ
 ngày 7 tháng 12
 năm 2021 (ngày thành
 lập) đến ngày 30 tháng
 6
 năm 2022
 VND

Phí bảo quản tài sản	136.129.029
Phí giao dịch chứng khoán	4.268.867
Phí trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	2.683.275
	143.081.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

16. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính iNAV trả HOSE	24.284.527
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	24.284.527
	48.569.054

17. CHI PHÍ HỢP, ĐẠI HỘI QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí họp Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF	15.170.196

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Thù lao Ban đại diện Quỹ	34.032.254
Chi phí thiết lập Quỹ	25.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	14.876.725
Phí thực hiện quyền trả VSD	9.000.000
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	5.000.000
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	3.500.000
Chi phí ngân hàng	836.000
	92.244.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	
				ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	13/12/2021	70.817.221.406	7.100.000	9.974,25	
2	14/12/2021	70.661.290.482	7.100.000	9.952,29	(21,96)
3	15/12/2021	70.775.826.032	7.100.000	9.968,42	16,13
4	16/12/2021	70.336.964.996	7.100.000	9.906,61	(61,81)
5	19/12/2021	70.499.304.326	7.100.000	9.929,47	22,86
6	20/12/2021	70.476.684.236	7.100.000	9.926,29	(3,18)
7	21/12/2021	70.375.207.623	7.100.000	9.912,00	(14,29)
8	22/12/2021	70.060.313.055	7.100.000	9.867,64	(44,36)
9	23/12/2021	68.797.098.034	7.100.000	9.689,73	(177,91)
10	26/12/2021	70.137.495.571	7.100.000	9.878,52	188,79
11	27/12/2021	70.504.352.112	7.100.000	9.930,19	51,67
12	28/12/2021	70.893.859.884	7.100.000	9.985,05	54,86
13	29/12/2021	70.531.897.610	7.100.000	9.934,07	(50,98)
14	30/12/2021	70.702.427.266	7.100.000	9.958,08	24,01
15	31/12/2021	71.435.407.036	7.100.000	10.061,32	103,24
16	3/1/2022	71.427.341.401	7.100.000	10.060,18	(1,14)
17	4/1/2022	72.525.635.180	7.100.000	10.214,87	154,69
18	5/1/2022	71.930.165.632	7.100.000	10.131,00	(83,87)
19	6/1/2022	71.882.978.045	7.100.000	10.124,36	(6,64)
20	9/1/2022	71.289.987.606	7.100.000	10.040,84	(83,52)
21	10/1/2022	72.519.281.606	7.300.000	9.934,14	(106,70)
22	11/1/2022	71.797.068.469	7.300.000	9.835,21	(98,93)
23	12/1/2022	73.220.723.429	7.300.000	10.030,23	195,02
24	13/1/2022	83.028.159.003	8.300.000	10.003,39	(26,84)
25	16/1/2022	82.859.944.315	8.300.000	9.983,12	(20,27)
26	17/1/2022	80.440.939.426	8.300.000	9.691,67	(291,45)
27	18/1/2022	80.322.046.878	8.300.000	9.677,35	(14,32)
28	19/1/2022	80.629.706.294	8.300.000	9.714,42	37,07
29	20/1/2022	81.161.660.894	8.300.000	9.778,51	64,09
30	23/1/2022	81.636.140.381	8.300.000	9.835,67	57,16
31	24/1/2022	79.962.834.396	8.300.000	9.634,07	(201,60)
32	25/1/2022	82.311.686.309	8.300.000	9.917,07	283,00
33	26/1/2022	88.789.821.139	8.900.000	9.976,38	59,31
34	27/1/2022	88.293.273.325	8.900.000	9.920,59	(55,79)
35	31/1/2022	89.159.245.641	8.900.000	10.017,89	97,30
36	3/2/2022	89.148.480.291	8.900.000	10.016,68	(1,21)
37	6/2/2022	89.137.715.428	8.900.000	10.015,47	(1,21)
38	7/2/2022	89.656.583.437	8.900.000	10.073,77	58,30
39	8/2/2022	90.179.704.494	8.900.000	10.132,55	58,78
40	9/2/2022	90.284.625.670	8.900.000	10.144,33	11,78
41	10/2/2022	90.070.697.919	8.900.000	10.120,30	(24,03)
42	13/2/2022	89.881.786.168	8.900.000	10.099,07	(21,23)
43	14/2/2022	87.534.579.133	8.900.000	9.835,34	(263,73)
44	15/2/2022	88.817.817.842	8.900.000	9.979,53	144,19

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
43	14/2/2022	87.534.579.133	8.900.000	9.835,34	(263,73)
44	15/2/2022	88.817.817.842	8.900.000	9.979,53	144,19
45	16/2/2022	88.469.999.012	8.900.000	9.940,44	(39,09)
46	17/2/2022	89.566.892.353	8.900.000	10.063,69	123,25
47	20/2/2022	89.036.395.221	8.900.000	10.004,08	(59,61)
48	21/2/2022	90.146.450.456	9.000.000	10.016,27	12,19
49	22/2/2022	90.077.609.451	9.000.000	10.008,62	(7,65)
50	23/2/2022	90.456.761.283	9.000.000	10.050,75	42,13
51	24/2/2022	94.446.013.687	9.500.000	9.941,68	(109,07)
52	27/2/2022	94.709.342.595	9.500.000	9.969,40	27,72
53	28/2/2022	99.095.469.285	10.000.000	9.909,54	(59,86)
54	1/3/2022	99.281.241.546	10.000.000	9.928,12	18,58
55	2/3/2022	97.896.480.224	10.000.000	9.789,64	(138,48)
56	3/3/2022	99.441.842.115	10.000.000	9.944,18	154,54
57	6/3/2022	99.594.878.832	10.000.000	9.959,48	15,30
58	7/3/2022	98.548.297.088	10.000.000	9.854,82	(104,66)
59	8/3/2022	97.304.973.229	10.000.000	9.730,49	(124,33)
60	9/3/2022	97.247.196.391	10.000.000	9.724,71	(5,78)
61	10/3/2022	97.316.680.456	10.000.000	9.731,66	6,95
62	13/3/2022	96.450.951.902	10.000.000	9.645,09	(86,57)
63	14/3/2022	95.410.885.835	10.000.000	9.541,08	(104,01)
64	15/3/2022	95.895.921.442	10.000.000	9.589,59	48,51
65	16/3/2022	96.149.412.196	10.000.000	9.614,94	25,35
66	17/3/2022	95.954.110.893	10.000.000	9.595,41	(19,53)
67	20/3/2022	96.403.611.630	10.000.000	9.640,36	44,95
68	21/3/2022	98.074.972.118	10.000.000	9.807,49	167,13
69	22/3/2022	98.767.604.369	10.000.000	9.876,76	69,27
70	23/3/2022	98.254.775.898	10.000.000	9.825,47	(51,29)
71	24/3/2022	97.715.444.254	10.000.000	9.771,54	(53,93)
72	27/3/2022	97.759.288.354	10.000.000	9.775,92	4,38
73	28/3/2022	96.832.339.170	10.000.000	9.683,23	(92,69)
74	29/3/2022	97.896.940.891	10.000.000	9.789,69	106,46
75	30/3/2022	97.864.171.306	10.000.000	9.786,41	(3,28)
76	31/3/2022	98.402.893.426	10.000.000	9.840,28	53,87
77	3/4/2022	100.588.947.723	10.000.000	10.058,89	218,61
78	4/4/2022	100.956.367.906	10.000.000	10.095,63	36,74
79	5/4/2022	100.376.802.511	10.000.000	10.037,68	(57,95)
80	6/4/2022	101.531.809.197	10.000.000	10.153,18	115,50
81	7/4/2022	100.536.388.361	10.000.000	10.053,63	(99,55)
82	11/4/2022	99.378.118.919	10.000.000	9.937,81	(115,82)
83	12/4/2022	98.257.852.096	10.000.000	9.825,78	(112,03)
84	13/4/2022	99.431.951.581	10.000.000	9.943,19	117,41
85	14/4/2022	108.841.981.884	11.000.000	9.894,72	(48,47)
86	17/4/2022	107.110.829.560	11.000.000	9.737,34	(157,38)
87	18/4/2022	105.278.973.665	11.000.000	9.570,81	(166,53)
88	19/4/2022	103.310.333.529	11.000.000	9.391,84	(178,97)
89	20/4/2022	102.930.119.662	11.000.000	9.357,28	(34,56)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
90	21/4/2022	102.300.442.960	11.000.000	9.300,04	(57,24)
91	24/4/2022	103.563.440.088	11.000.000	9.414,85	114,81
92	25/4/2022	97.988.002.481	11.000.000	8.908,00	(506,85)
93	26/4/2022	100.188.024.995	11.000.000	9.108,00	200,00
94	27/4/2022	100.554.434.687	11.000.000	9.141,31	33,31
95	28/4/2022	100.456.233.777	11.000.000	9.132,38	(8,93)
96	30/4/2022	101.602.575.842	11.000.000	9.236,59	104,21
97	3/5/2022	101.591.779.174	11.000.000	9.235,61	(0,98)
98	4/5/2022	99.615.231.952	11.000.000	9.055,93	(179,68)
99	5/5/2022	100.644.345.399	11.000.000	9.149,48	93,55
100	8/5/2022	98.394.107.194	11.000.000	8.944,91	(204,57)
101	9/5/2022	94.157.127.069	11.000.000	8.559,73	(385,18)
102	10/5/2022	96.400.688.036	11.000.000	8.763,69	203,96
103	11/5/2022	96.709.495.450	11.000.000	8.791,77	28,08
104	12/5/2022	91.672.166.374	11.000.000	8.333,83	(457,94)
105	15/5/2022	87.650.828.302	11.000.000	7.968,25	(365,58)
106	16/5/2022	87.026.658.956	11.000.000	7.911,51	(56,74)
107	17/5/2022	91.637.406.800	11.000.000	8.330,67	419,16
108	18/5/2022	92.128.334.046	11.000.000	8.375,30	44,63
109	19/5/2022	91.922.337.646	11.000.000	8.356,57	(18,73)
110	22/5/2022	91.837.674.397	11.000.000	8.348,87	(7,70)
111	23/5/2022	89.888.170.400	11.000.000	8.171,65	(177,22)
112	24/5/2022	91.128.644.760	11.000.000	8.284,42	112,77
113	25/5/2022	93.844.175.051	11.000.000	8.531,28	246,86
114	26/5/2022	93.753.937.688	11.000.000	8.523,08	(8,20)
115	29/5/2022	95.617.052.483	11.000.000	8.692,45	169,37
116	30/5/2022	96.127.188.972	11.000.000	8.738,83	46,38
117	31/5/2022	95.570.461.877	11.000.000	8.688,22	(50,61)
118	1/6/2022	95.774.883.044	11.000.000	8.706,80	18,58
119	2/6/2022	95.053.506.956	11.000.000	8.641,22	(65,58)
120	5/6/2022	95.179.864.054	11.000.000	8.652,71	11,49
121	6/6/2022	95.151.312.942	11.000.000	8.650,11	(2,60)
122	7/6/2022	94.995.942.971	11.000.000	8.635,99	(14,12)
123	8/6/2022	96.257.666.038	11.000.000	8.750,69	114,70
124	9/6/2022	96.317.735.150	11.000.000	8.756,15	5,46
125	12/6/2022	95.071.300.806	11.000.000	8.642,84	(113,31)
126	13/6/2022	90.479.168.398	11.000.000	8.225,37	(417,47)
127	14/6/2022	90.496.370.230	11.000.000	8.226,94	1,57
128	15/6/2022	89.912.442.313	11.000.000	8.173,85	(53,09)
129	16/6/2022	91.862.090.216	11.000.000	8.351,09	177,24
130	19/6/2022	90.345.487.264	11.000.000	8.213,22	(137,87)
131	20/6/2022	88.014.366.847	11.000.000	8.001,30	(211,92)
132	21/6/2022	87.937.465.239	11.000.000	7.994,31	(6,99)
133	22/6/2022	88.179.703.730	11.000.000	8.016,33	22,02
134	23/6/2022	89.153.036.505	11.000.000	8.104,82	88,49
135	26/6/2022	121.030.940.488	15.000.000	8.068,72	(36,10)
136	27/6/2022	123.069.708.669	15.000.000	8.204,64	135,92
137	28/6/2022	124.692.344.677	15.000.000	8.312,82	108,18
138	29/6/2022	124.683.730.960	15.000.000	8.312,24	(0,58)
139	30/6/2022	122.288.672.406	15.000.000	8.152,57	(159,67)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

19. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND)	91.038.120.576
Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF	
- Mức cao nhất trong kỳ (VND)	506,85
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,58

20. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
	<i>Chứng chỉ quỹ</i>
Đến một năm	15.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

21.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 7 tháng 12 năm 2021 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	-	(282.611.726)	237.566.342	(45.045.384)	282.611.726
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	(34.032.254)	3.403.225	(30.629.029)	34.032.254

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

21.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“Ngân hàng Giám sát”), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 7 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chi phí VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	-	77.223.313.610	(76.789.866.237)	433.447.373	-
		Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	-	(136.129.029)	116.129.029	(20.000.000)	136.129.029
		Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(4.268.867)	4.268.867	-	4.268.867
		Phải trả dịch vụ giám sát	-	(37.435.479)	31.935.479	(5.500.000)	37.435.479
		Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	-	(112.306.451)	95.806.451	(16.500.000)	112.306.451
		Phí ngân hàng	-	(836.000)	836.000	-	836.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Cho kỳ kế toán từ
 ngày 7 tháng 12
 năm 2021 đến
 ngày 30 tháng 6
 năm 2022
 (%)

Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,56
Tốc độ vòng quay danh mục	13,36

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 121.774.738.450 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 12.177.473.845 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 12.177.473.845 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào</i> VND	<i>Dưới 3 tháng</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	433.447.373	-	433.447.373
Các khoản đầu tư	-	121.874.298.450	121.874.298.450
Các khoản phải thu	-	169.573.275	169.573.275
Tổng tài sản	433.447.373	122.043.871.725	122.477.319.098
Nợ phải trả			
Chi phí phải trả	-	33.129.029	33.129.029
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	152.114.438	152.114.438
Tổng nợ phải trả	-	188.646.692	188.646.692
Mức chênh thanh khoản ròng	433.447.373	121.855.225.033	122.288.672.406

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2022

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	433.447.373	433.447.373
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	433.447.373	433.447.373
Các khoản đầu tư thuần	121.874.298.450	121.874.298.450
- Cổ phiếu niêm yết	121.774.738.450	121.774.738.450
- Quyền mua cổ phiếu	99.560.000	99.560.000
Các khoản phải thu	169.573.275	(*)
	122.477.319.098	
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	33.129.029	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	152.114.438	(*)
	185.243.467	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

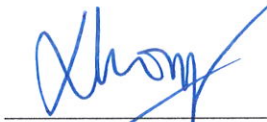
Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3.*

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

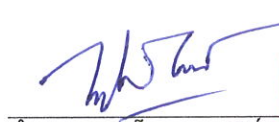
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:



Bà Phan Xuân Hương
Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Tiến
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2022